

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 8 năm 2019
V/v “Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Tiến

Các Hội Thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tần

Bà Nguyễn Thị Hảo.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Phú - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Long Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2019/TLST–HNGĐ ngày 21/5/2019 về “Tranh chấp về hôn nhân gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Văn C – sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu 8, xã N, huyện B, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H – sinh năm 1989

Địa chỉ: Khu 8, xã N, huyện B, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

(Chị Hiền hiện đang lao động tại Malaysia).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Vũ Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 kết hôn tự nguyện, đăng ký tại UBND xã N, huyện B, tỉnh Phú Thọ năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng ở cùng gia đình bố mẹ đẻ anh tại khu 8, xã N, huyện B, tỉnh Phú Thọ. Từ cuối năm 2014 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Khoảng cuối năm 2014 chị Hiền đi xuất khẩu lao động Malaysia, vợ chồng xa cách không ai quan tâm đến ai; anh và chị H cũng không còn liên lạc gì với nhau từ đó cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm không còn với chị H nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh C xác định vợ chồng không có con chung không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ, công sức đóng góp: Không vay ai và không nợ ai. Anh C xác nhận, vợ chồng không có công sức đóng góp trong thời gian sống chung với gia đình nhà chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay chị H đi lao động tại Malaysia, anh không biết địa chỉ của chị H như thế nào. Anh chỉ biết chị H có liên lạc về với bố mẹ đẻ của chị, giữa anh và chị H không có liên lạc gì từ cuối năm 2014 cho đến nay nên anh không biết địa chỉ của chị H ở Malaysia để cung cấp cho Tòa án được. Anh yêu cầu Tòa án xác minh địa chỉ của chị H thông qua bố mẹ đẻ của chị H là ông Đỗ Khắc S, bà Đinh Thị N tại khu 10 thị trấn B, huyện B, tỉnh Phú Thọ để giải quyết vụ án. Anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt anh.

Bố mẹ đẻ của chị H là ông Đỗ Khắc S, bà Đinh Thị N trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của chị H. Hiện nay chị H đi lao động tại Malaysia. Chị H vẫn thường xuyên gọi điện về cho gia đình nhưng chỉ nói là đang ở Malaysia, chị H không nói rõ địa chỉ cụ thể ở đâu nên gia đình không cung cấp được địa chỉ của chị H ở Malaysia cho Tòa án được. Việc anh C ly hôn chị H là việc riêng của hai anh chị ông bà không can thiệp vào. Ông bà đề nghị giải quyết theo pháp luật và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông bà tại Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án đã tiến hành theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

1. Về hôn nhân: Cho anh Vũ Văn C được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.
2. Về con chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
3. Về án phí: Anh C tự nguyện chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.
4. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Không có, không vay ai, không nợ ai, vợ chồng không có công sức đóng góp khi chung sống cùng gia đình nhà chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ Công văn số 9126/QLXNC-P5 ngày 07/6/2019 của Cục xuất

nhập cảnh Bộ Công an cho thấy chị H đã xuất cảnh từ ngày 06/11/2011 và chưa có thông tin nhập cảnh trở lại Việt Nam. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 3 Điều 35; Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh C chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của chị H ở Việt Nam tại khu 8, xã N huyện B, tỉnh Phú Thọ, không cung cấp được địa chỉ của chị Hiền ở Malaysia. Kết quả xác minh ông Nguyễn Khắc S và bà Đinh Thị N là bố mẹ đẻ của chị H cho biết chị H hiện đang lao động tại Malaysia, chị H vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể của chị H tại Malaysia nên ông bà không cung cấp được địa chỉ của chị H cho Tòa án. Căn cứ Công văn 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, đây thuộc trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Anh C có đơn xin xét xử vắng mặt, ông S và bà N đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân: Anh C, chị H kết hôn năm 2012 là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh sau hai năm kể từ ngày cưới. Năm 2014 chị H đi lao động tại Malaysia vợ chồng chấm dứt mọi liên hệ cho đến nay. Xét thấy: Cuộc sống vợ chồng giữa anh C và chị H đã có mâu thuẫn từ trước khi chị H đi lao động tại Malaysia, trên thực tế cuộc sống chung vợ chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho anh C được ly hôn chị H.

2.2. Về con chung: Anh C xác định vợ chồng không có con chung. Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2.3. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp: Anh C khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Anh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1] Về hôn nhân: Cho anh Vũ Văn C được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

[2] Về con chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung; công nợ; công sức đóng góp: Không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh Vũ Văn C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào 300.000đ (do anh Nguyễn Ngọc P đã nộp thay) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003185 ngày 20/5/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Anh C đã nộp đủ án phí sơ thẩm

Anh C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
 - Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
 - Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Việt Tiến

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Tiến